

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bích Hà.

2. Ông Đặng Hải Quân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thụ lý số 186/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Hữu T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Vương Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, lời khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải nguyên đơn trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Hữu T và bà Vương Thị N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2019 là thời điểm ông Hoàng Hữu T đi học ở trường Cao Đẳng Nông Lâm Đông Bắc và bà Vương Thị N đi làm công ty thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc dẫn đến việc cãi vã nhau thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không được hòa hợp, hôn nhân căng thẳng, không hạnh phúc. Nhiều lần người chồng đã chủ động nói chuyện, phân giải nhưng người vợ không nghe mà còn to tiếng, cãi nhau rất căng thẳng; gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ và hòa giải cho vợ chồng nhưng tình trạng không có khả quan.

Mâu thuẫn ngày một chồng chất, không thể hoá giải dẫn đến ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, căng thẳng nên bà Vương Thị N đã bỏ đi không ở nhà - hai vợ chồng ly thân kể từ tháng 06 năm 2022 cho đến hiện nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm; bà Vương Thị N rất ít khi về thăm con, thậm chí là bỏ mặc cho ông Hoàng Hữu T một mình nuôi dạy 03 người con chung.

Nay ông Hoàng Hữu T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, mâu thuẫn gia đình không thể giải quyết, nên yêu cầu được ly hôn với bà Vương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên là Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/10/2012; Hoàng Anh N, sinh ngày 10/11/2013 và cháu Hoàng Phương T, sinh ngày 18/9/2021. Các cháu hiện nay đều đang sinh sống cùng ông Hoàng Hữu T, do ông trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Khoảng từ 02-03 năm nay, bà Vương Thị N bỏ đi, không hỗ trợ, không gửi tiền nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Ông Hoàng Hữu T xác định bản thân có đủ điều kiện, kinh tế để nuôi dưỡng các con ăn học, phát triển bình thường nên khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà Vương Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/3/2025 với ông Vy Văn T là trưởng thôn trình bày: Vợ chồng ông Hoàng Hữu T và bà Vương Thị N trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân 03 năm nay; bà N đi làm ở công ty ít khi về thăm chồng con, các con do một mình ông Hoàng Hữu T chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, phát triển bình thường.

Tại Đơn trình bày của ông Hoàng Văn T là bố đẻ của ông Hoàng Hữu T có nội dung: Vợ chồng ông Hoàng Hữu T và bà Vương Thị N trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do vợ đi làm công ty để các con ở nhà cho

chồng tự chăm sóc; bản thân bà N không quan tâm tới việc học tập, phát triển của các con cũng như không hỗ trợ về kinh tế phụ giúp nuôi con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, cả hai không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, gia đình đã khuyên bảo, nói chuyện hòa giải nhưng không thành; ông Hoàng Văn T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để cả hai có thể bắt đầu xây dựng cuộc sống mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Hữu T về việc ly hôn với bà Vương Thị N.

Về con chung: Ông Hoàng Hữu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 người con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Vương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Ông Hoàng Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Hữu T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung; nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Vương Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn vắng mặt

không có lý do, vi phạm nghĩa vụ đương sự; ông Hoàng Hữu T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản xác minh mâu thuẫn của các bên, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định bà Vương Thị N và ông Hoàng Hữu T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2019 khi vợ chồng đi học và đi làm ở xa thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình không hòa hợp, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến việc cãi vã nhau thường xuyên làm cho cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, không hạnh phúc.

[4] Mâu thuẫn vợ chồng không thể tự hoá giải, đỉnh điểm là việc vợ chồng ly thân từ năm 2022, bà Vương Thị N bỏ nhà ra đi, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; ngay cả khi bà Vương Thị N đi làm trở về địa phương nhưng cũng không về nhà chung sống cùng, không đóng góp kinh tế nuôi con chung; bỏ mặc việc chăm sóc con cái cho ông Hoàng Hữu T một mình cáng đáng, chịu trách nhiệm. Chính vì đời sống chung không tồn tại, không có sự quan tâm chăm sóc đến nhau trong suốt thời gian dài dẫn đến nguyên đơn xác định không còn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Vương Thị N và ông Hoàng Hữu T đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân bà Vương Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vợ trong quan hệ hôn nhân, do vậy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ông Hoàng Hữu T được ly hôn Bà Vương Thị N.

[5] Về con chung: Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2025, con chung trên 07 tuổi gồm cháu Hoàng Bảo T, cháu Hoàng Anh N đều trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, mong muốn được tiếp tục sinh sống cùng ông Hoàng Hữu T với lý do kể từ khi mẹ không còn ở chung với bố thì các cháu được ông Hoàng Hữu T đảm bảo các điều kiện chăm sóc, học tập, ăn uống phát triển đầy đủ. Tại Biên bản xác minh ngày 03/3/2025 và đơn trình bày của ông Hoàng Văn T xác nhận: Cháu Hoàng Phương T từ thời điểm bố mẹ ly thân đều do một mình ông Hoàng Hữu T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Bản thân ông Hoàng Hữu T có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị L tại thôn L, xã H và hiện công tác tại Ban Quản lý rừng đặc dụng H, có thu nhập từ lương; cơ bản đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, giáo dục các con chung. Thực tế kể

từ khi ly thân cho đến tại phiên toà, bà Vương Thị N không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng không có yêu cầu đề nghị về quyền nuôi con chung. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét, quyết định giao cho ông Hoàng Hữu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba người con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Vương Thị N có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Bà Vương Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Hoàng Hữu T chưa có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 238, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân

Xử cho ông Hoàng Hữu T được ly hôn với bà Vương Thị N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyền số 01/2012 ngày 04/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung.

Ông Hoàng Hữu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là các cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/10/2012; cháu Hoàng Anh N, sinh ngày 10/11/2013 và cháu Hoàng Phương T, sinh ngày

18/9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Vương Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Bà Vương Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Hoàng Hữu T chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung.

Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí.

Ông Hoàng Hữu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; xác nhận đã thi hành đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004886 ngày 12/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H, huyện H;
- Các đương sự:.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường